

Số: 3462/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 20 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành,
được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng
quản lý nhà nước của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2228/QĐ-BTP ngày 14/11/2022 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 94/TTr-STP ngày 13/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm **03** thủ tục hành chính mới ban hành (*cấp tỉnh: 01, cấp huyện: 01, cấp xã: 01*); **38** thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung (*cấp tỉnh: 01, cấp huyện: 16, cấp xã: 21*) trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải nội dung Quyết định lên Trang văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh theo địa chỉ <http://qppl.vpubnd.quangnam.vn> để các cơ quan, đơn vị, địa phương truy cập, tải về triển khai thực hiện.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh đầy đủ, chính xác nội dung cấu thành thủ tục hành chính, cập nhật lên Trang thông tin điện tử của Sở; đồng thời, gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông (kèm bản mềm đến địa chỉ email: *congpc2@quangnam.gov.vn* và *binhtt@quangnam.gov.vn*), Trung tâm Phục vụ hành chính công Quảng Nam chậm nhất **03** ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực để đăng tải công khai và niêm yết dữ liệu đúng theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử cấp tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo công khai, niêm yết đầy đủ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận một cửa các cấp và tổ chức thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Tư pháp được ban hành kèm theo Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 06/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Bãi bỏ thủ tục hành chính: số thứ tự 01, mục XII, phần A; thủ tục hành chính số thứ tự từ 01 đến 16, mục I, phần B; thủ tục hành chính có số thứ tự từ 01 đến 21, mục I, phần C tại Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- VPCP(Cục KSTTHC);
- Ban Chỉ đạo CCHC&CDS tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm QT;
- CVP; PCVP- Lê Ngọc Quảng;
- Lưu: VT, TTPVHCC, NCKS.

G:\Dropbox\CONG2022\QUYETDINH\TUPHAP\05-7-QĐ Công bố\TTHC-TP.doc

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
HỘ TỊCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số 3462/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I. CẤP TỈNH							
1.	2.002516.000.00.00.H47	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn)	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công Quảng Nam (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	8.000 đồng/văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
							quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
II. CẤP HUYỆN							
1	2.002516. 000.00.00. H47	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn)	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	8.000 đồng/văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
							- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

III. CẤP XÃ

1	2.002516. 000.00.00. H47	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn)	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	8.000 đồng/văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ
---	--------------------------------	--	---	---	--	---	--

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
							tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH							
1	2.000635.000.00.00.H47	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm	Trung tâm Phục vụ hành chính công Quảng Nam (159B Trần Quý Cáp, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị</i>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			tỉnh (https://dichvu.cong.quangnam.gov.vn).	việc tiếp theo.			<i>định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i>

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1	2.000528.000.00.00.H47	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvu.cong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvu	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em; hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
---	------------------------	--	---	--	--	--	---

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			cong.quangnam.gov.vn).			cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
2	2.000806.000.00.00.H47	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvu.cong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvu.cong.quangnam.gov.vn).	15 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	1.500.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị</i>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
						đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	<i>định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
3	1.001766.000.00.00.H47	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvu.cong.quangnam.gov.vn).	qua trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.		và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
4	2.000779.000.00.00.H47	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvu.cong.gov.vn) hoặc Cổng	15 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	1.500.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật;	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).			người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
5	1.001695.000.00.00.H47	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có	Nộp hồ sơ trực tiếp	15 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công	Đăng ký khai sinh: 75.000 đồng/trường hợp	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
		yếu tố nước ngoài			của UBND cấp huyện có thẩm quyền	- Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
6	1.001669. 000.00.00. H47	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu	05 ngày làm việc đối với việc đăng	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành	75.000 đồng/trường hợp	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014;

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).	ký giám hộ cử, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.	- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
							phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
7	2.000756.000.00.00.H47	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).	02 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
							- Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
8	2.000748.000.00.00.H47	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo - 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	30.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng</i>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
				dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.			<i>dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. dân
9	2.002189.0 00.00.00.H 47	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvu.cong.gov.v) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvu.cong.quangnam.gov.vn).	12 ngày.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
						đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
10	2.000554.0 00.00.00.H 47	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).	12 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã,	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
						thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
11	2.000547.0 00.00.00.H 47	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
				phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.		người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
12	2.000528.000.00.00.H47	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvu.cong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh	05 ngày làm việc Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy</i>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			(https://dichvu.cong.quangnam.gov.vn).			ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	<i>định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
13	1.000893.000.00.00.H47	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvu.cong.gov.vn) hoặc Cổng	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	75.000 đồng Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).			ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
14	2.000513.000.00.00.H47	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	1.500.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).			công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
15	2.000497.000.00.00.H47	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp	05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến hành xác	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công	75.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).	minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc	của UBND cấp huyện có thẩm quyền	em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.	- <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
16	2.000653. 000.00.00. H47	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Công dịch vụ công quốc gia (https://dichvu cong.gov.v) hoặc Công dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvu cong.quangna m.gov.vn).	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận một cửa/Trung tâm hành chính công của UBND cấp huyện có thẩm quyền	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i>
III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ							
1	1.001193. 000.00.00. H47	Đăng ký khai sinh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu	Bộ phận một cửa	10.000 đồng/trường hợp	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014;

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			thông bu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).	cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	của UBND cấp xã	Miễn lệ phí đối với: Đăng ký khai sinh đúng hạn; trẻ em; hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
							phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
2	1.000894. 000.00.00. H47	Đăng ký kết hôn	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Công dịch vụ công quốc gia (https://dichvu cong.gov.v) hoặc Công dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvu cong.quangna m.gov.vn).	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trườ ng hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Miễn lệ phí	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
							- Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
3	1.001022. 000.00.00. H47	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	15.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số</i>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
							85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
4	1.000689. 000.00.00. H47	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Nộp hồ sơ trực tiếp	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	- Lệ phí đăng ký khai sinh: 10.000 đồng/trường hợp - Lệ phí đăng ký nhận cha, mẹ, con: 15.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí hộ tịch đối với: - Đăng ký khai sinh đúng hạn; - Trẻ em; hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
						Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
5	1.000656.000.00.00.H47	Đăng ký khai tử	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvu.cong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvu.cong.quangnam.gov.vn).	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	10.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: - Đăng ký khai tử đúng hạn; - Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
						dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.	nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
6	1.003583. 000.00.00. H47	Đăng ký khai sinh lưu động	Nộp hồ sơ trực tiếp	05 ngày làm việc	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	10.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: - khai sinh đúng hạn; - Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
						đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
7	1.000593.000.00.00.H47	Đăng ký kết hôn lưu động	Nộp hồ sơ trực tiếp	05 ngày làm việc	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	Miễn lệ phí	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
							- Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
8	1.000419. 000.00.00. H47	Đăng ký khai tử lưu động	Nộp hồ sơ trực tiếp	05 ngày làm việc	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	10.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: - Đăng ký khai tử đúng hạn; - Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
						tộc thiểu số ở các huyện miền núi	
9	1.000110. 000.00.00. H47	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Công dịch vụ công quốc gia (https://dichvu.cong.gov.vn) hoặc Công dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvu.cong.quangnam.gov.vn).	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	10.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: - Đăng ký khai sinh đúng hạn - Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
							- Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
10	1.000094.000.00.00.H47	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).	03 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Miễn lệ phí	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số</i>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
							85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
11	1.000080.000.00.00.H47	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvu.cong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvu.cong.quangnam.gov.vn).	07 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	15.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - <i>Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
						tộc thiểu số ở các huyện miền núi	nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
12	1.004827.000.00.00.H47	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	10.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: - Đăng ký khai tử đúng hạn; - Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
				xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.		đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.	- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
13	1.004837.000.00.00.H47	Đăng ký giám hộ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvu.cong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh	03 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Miễn lệ phí.	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị</i>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			(https://dichvucong.quangnam.gov.vn).				<i>định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
14	1.004845.000.00.00.H47	Đăng ký chấm dứt giám hộ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	02 ngày làm việc	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	Miễn lệ phí.	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvu.cong.quangnam.gov.vn).				định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
15	1.004859.000.00.00.H47	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên	- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	15.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvu.cong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvu.cong.quangnam.gov.vn).	tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch , trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.		tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
16	1.004873.000.00.00.H47	Cấp Giấy xác nhận	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ	03 ngày làm việc; trường hợp	Bộ phận một cửa	10.000 đồng/trường hợp	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014;

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
		tình trạng hôn nhân	thông bur chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).	phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày	của UBND cấp xã	Miễn lệ phí đối với: Hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
							phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
17	1.004884. 000.00.00. H47	Đăng ký lại khai sinh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	10.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</i> - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
							- Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
18	1.004746.000.00.00.H47	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	10.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i>

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
							- Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
19	1.004746. 000.00.00. H47	Đăng ký lại kết hôn	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	30.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
							- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
20	1.005461.000.00.00.H47	Đăng ký lại khai tử	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	10.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí đối với: Trẻ em, hộ nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng và thân nhân người có công theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người dân sinh sống tại các xã, thôn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
						biệt khó khăn; đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi.	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam sửa đổi quy định về lệ phí hộ tịch, lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí chứng minh nhân dân. - Quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc áp dụng quy định thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí hộ tịch, Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
21	2.000635.000.00.00.H47	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công cấp tỉnh (https://dichvucong.quangnam.gov.vn).	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận một cửa của UBND cấp xã	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
							khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.